

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN K
TỈNH KON TUM**

Bản án số: 13/2021/HS-ST
Ngày 05/7/2021

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, TỈNH KON TUM

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Đăng Lễ.
- *Các Hội thẩm nhân dân:*

+ Ông A Thắng.

+ Ông A Sơn.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Thanh Phượng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Kon Tum.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Kon Tum tham gia phiên tòa:*** Ông Phạm Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 7 năm 2021, tại Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Kon Tum đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 14/2021/TLST-HS ngày 11/6/2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2021/QĐXXST - HS ngày 21 tháng 6 năm 2021 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Nguyễn Đức T; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh ngày 16/3/1984, tại tỉnh Bình Định.

Nơi cư trú: 143 T, phường L, thành phố K, tỉnh Kon Tum. Nghề nghiệp: Xây dựng. Trình độ văn hoá (học vấn): 12/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Hữu T, sinh năm: 1959 và bà Trần Thị B, sinh năm: 1960; Bị cáo có 03 anh em, bị cáo là con thứ 2 trong gia đình; Bị cáo có vợ: Bùi Thị Tuyết Tr, sinh năm: 1984; Bị cáo có 01 người con sinh năm 2018; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Tốt.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 19/3/2021 đến ngày 25/3/2021 thì được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: Huỳnh Văn H; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh ngày 01/01/1979, tại tỉnh Quảng Ngãi.

Nơi cư trú: Tổ dân phố 2, thị trấn M, huyện K, tỉnh Kon Tum; Nghề nghiệp: Viên chức. Trình độ văn hoá (học vấn): 12/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Huỳnh Văn L (đã chết) và bà Trần Thị Đ, sinh năm: 1939; Bị cáo có 03 anh em, bị cáo là con thứ hai trong gia đình; Bị cáo có vợ: Trần Thị Kim Ph (đã chết); Bị cáo có 02 người con sinh năm 2006 và 2008 (đã chết). Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Tốt.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 19/3/2021 đến ngày 25/3/2021 thì được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

3. Họ và tên: Phạm Đăng T1; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh ngày 10/10/1979, tại tỉnh Hải Dương.

Hộ khẩu thường trú: Số nhà 18 N, phường D, thành phố K, tỉnh Kon Tum; Chỗ ở hiện nay: 202 V, TDP3, thị trấn M, huyện K, tỉnh Kon Tum; Nghề nghiệp: Viên chức. Trình độ văn hoá (học vấn): 12/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Phạm Đăng B, sinh năm 1947 và bà Phạm Thị M, sinh năm 1954; Bị cáo có 04 chị em, bị cáo là con thứ hai trong gia đình; Bị cáo có vợ: Trương Thị Th, sinh năm: 1983; Bị cáo có 04 người con lớn nhất sinh năm 2008, nhỏ nhất sinh năm 2015; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Tốt.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 19/3/2021 đến ngày 25/3/2021 thì được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

4. Họ và tên: Nguyễn Mai Ch; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh ngày 23/11/1977, tại tỉnh Kon Tum.

Hộ khẩu thường trú: 483 P, thành phố K, tỉnh Kon Tum; Chỗ ở hiện nay: Đường N, tổ dân phố 1, thị trấn M, huyện K, tỉnh Kon Tum; Nghề nghiệp: Chuyên viên. Trình độ văn hoá (học vấn): 12/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm: 1943 và bà Y D, sinh năm: 1957; Bị cáo có 04 anh em, bị cáo là con thứ nhất trong gia đình. Bị cáo có vợ : Huỳnh Thị Mỹ L, sinh năm: 1983 (đã ly hôn). Bị cáo có 02 người con lớn nhất sinh năm 2008, nhỏ nhất sinh năm 2013; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Tốt.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 19/3/2021 đến ngày 25/3/2021 thì được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các T liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 21 giờ ngày 18/3/2021, sau khi ăn uống tại quán X trên đường N, thị trấn M, huyện K, tỉnh Kon Tum xong thì Huỳnh Văn H, Nguyễn Mai Ch, Phạm Đăng T1 và Nguyễn Đức T về nhà của Huỳnh Văn H tại số nhà 103, N, thị trấn M để ngủ lại. Khi về đến nhà của H vì thời gian còn sớm và trong nhà của H đã có sẵn 02 (hai) bộ bài tây 52 lá nên Nguyễn Đức T đã rủ H, T1, Ch đánh bạc bằng hình thức đánh phỏm, thắng thua bằng tiền và tất cả đồng ý.

Cách thức chơi Phỏm của các bị cáo như sau: Các bị cáo sử dụng bộ bài tây 52 lá, sau đó chia cho những người chơi mỗi người 9 lá, riêng người chia bài được 10 lá. Số bài còn lại gọi là bài nọc đặt ở giữa chiếu để bốc. Người chia bài đánh trước, những người còn lại bốc bài đánh theo vòng. Khi người chơi ăn được một lá bài do người liền trước đánh thì ăn được số tiền của người đó 50.000 đồng, ăn được lá bài tiếp theo trong ván bài đó thì được 100.000 đồng, ăn lá bài thứ ba trong ván thì được 150.000 đồng, đồng thời người đánh cho ăn ba lá bài phải đền ù cho người ăn được ba lá bài thêm 750.000 đồng. Trong quá trình đánh từng ván bài, nếu ai có đủ từ 09 đến 10 lá bài liên kết thành phỏm (có ít nhất ba lá bài liên kết hoặc trùng số thì sẽ tạo thành phỏm) thì người chơi đó báo ù. Nếu ù 9 lá thì những người chơi khác Ch 250.000 đồng, ù 10 lá (ù tròn) thì những người chơi Ch mỗi người 500.000 đồng. Trong ván bài nếu không có ai báo ù thì khi kết thúc các người chơi sẽ hạ phỏm và so sánh điểm bằng cách cộng số điểm trên các lá bài cầm trên tay theo quy ước thang điểm từ 01 đến 13 tương ứng với các quân bài 1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,J,Q,K. Nếu ai có số điểm thấp nhất thì về thứ nhất, lần lượt đến người có số điểm tiếp theo thì về nhì, về ba và về bét. Nếu có hai người trở lên bằng điểm nhau thì người nào hạ bài theo vòng trước sẽ là người về trước. Những người về thứ 2, thứ 3, về bét phải trả tiền cho người về nhất lần lượt là 50.000 đồng, 100.000 đồng, 150.000 đồng. Còn khi kết thúc người nào không hạ được phỏm thì bị cháy phải trả cho người về nhất là 200.000 đồng.

Trong lúc đánh phỏm các bị cáo sử dụng 01 bộ bài tây khác và lựa chọn ngẫu nhiên một lá bài quy ước là lá bài cá. Nếu kết thúc ván bài mà người nào không có lá bài cá thì phải trả cho người có từ 02 lá bài cá trở lên số tiền là 200.000 đồng. Nếu người chơi nào có 04 lá bài cá thì các người chơi khác trả gấp đôi giá trị quy ước của lá bài cá là 400.000 đồng/người. Mỗi ván bài thì các người chơi sẽ thay phiên nhau bốc một lá bài cá ngẫu nhiên.

Các bị cáo đánh bạc đến khoảng 22 giờ 30 phút ngày 18/3/2021, thì Tổ công tác Công an huyện K bắt quả tang Nguyễn Đức T, Huỳnh Văn H, Phạm Đăng T1 và Nguyễn Mai Ch, đang đánh bạc.

Kết quả điều tra xác định được như sau:

Nguyễn Đức T mang theo số tiền vốn 8.500.000 đồng (tám triệu năm trăm ngàn đồng) để đánh bạc. Tại thời điểm lập biên bản phạm tội quả tang thu giữ của Phạm Đăng T1 trên chiếu bạc là 6.000.000 đồng (Sáu triệu đồng). Phạm Đăng T1 đã thua 2.500.000 đồng (Hai triệu năm trăm ngàn đồng).

Huỳnh Văn H mang theo số tiền vốn 9.500.000 đồng (Chín triệu năm trăm ngàn đồng) để đánh bạc. Tại thời điểm lập biên bản phạm tội quả tang H bị thu giữ trên chiếu bạc là 3.800.000 đồng (Ba triệu tám trăm ngàn đồng), đây là số tiền mà H đã thắng bạc.

Phạm Đăng T1 mang theo số tiền vốn 3.250.000 đồng (Ba triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng) để đánh bạc. Tại thời điểm lập biên bản phạm tội quả tang, thu giữ của T1 trên chiếu bạc là 1.100.000 đồng (Một triệu một trăm ngàn đồng) đây là số tiền mà T1 đã thắng bạc.

Nguyễn Mai Ch mang theo số tiền vốn 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) để đánh bạc. Tại thời điểm lập biên bản phạm tội quả tang, thu giữ của Ch trên chiếu bạc là 100.000 đồng (Một trăm ngàn đồng). Tạm giữ trong ví của Ch 500.000 đồng (Năm trăm ngàn đồng). Ch đã thua 2.400.000 đồng (Hai triệu bốn trăm ngàn đồng).

Tổng số tiền các bị cáo đã và sẽ dùng vào việc đánh bạc là 24.250.000 đồng (*Hai mươi tư triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng*). Bao gồm: 11.000.000 đồng tiền thu trên chiếu bạc + 9.500.000 đồng của H mang theo để đánh bạc + 3.250.000 đồng của T mang theo để đánh bạc + 500.000 đồng của Ch mang theo để đánh bạc.

Trong quá trình điều tra, truy tố các bị cáo Phạm Đăng T1, H, T1, Ch, đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội. Các bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Đây là tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự được áp dụng để giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Riêng bị cáo Nguyễn Mai Ch có bố ruột là thương binh hạng A, loại 4, vì vậy bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Vật chứng vụ án: Quá trình điều tra, Cơ quan CSĐT - Công an huyện K đã tạm giữ những đồ vật, T liệu, vật chứng gồm:

- Tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam 24.250.000 đồng (*Hai mươi tư triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng*). Bao gồm 11.000.000 đồng thu giữ trên chiếu bạc; 9.500.000 đồng thu giữ của Huỳnh Văn H; 3.250.000 đồng thu giữ của Phạm Đăng T1; 500.000 đồng thu giữ của Nguyễn Mai Ch;

- + 02 bộ bài tây, 52 lá/bộ;

- + 01 chiếc chăn vải nhung, kích thước 2 x 1,8 mét.

Những vật chứng, đồ vật nêu trên tiếp tục tạm giữ chờ xử lý.

- Đối với các vật chứng, đồ vật sau, Cơ quan điều tra đã quyết định xử lý trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp, gồm:

- + 01 ví da màu đen tạm giữ của Huỳnh Văn H;

- + 01 điện thoại di động màn hình cảm ứng, mặt sau điện thoại có chữ Sam Sung, màu xanh; 01 ví da màu đen tạm giữ của Nguyễn Mai Ch;

- + 01 điện thoại di động màn hình cảm ứng, màu vàng, mặt sau có dòng chữ Sam Sung tạm giữ của Nguyễn Đức T;

- + 01 điện thoại màn hình cảm ứng màu vàng, mặt sau có dòng chữ Iphone; 01 ví da màu đen tạm giữ của Phạm Đăng T1.

Tại Cáo trạng số: 12/CT-VKS ngày 11 tháng 6 năm 2021, Viện kiểm sát nhân dân huyện huyện K, tỉnh Kon Tum đã truy tố bị cáo Nguyễn Đức T, Huỳnh Văn H, Phạm Đăng T1, Nguyễn Mai Ch về tội “*Đánh bạc*” theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa các bị cáo Nguyễn Đức T, Huỳnh Văn H, Phạm Đăng T1, Nguyễn Mai Ch đã thành khẩn khai nhận Phạm

Đăng T1 bộ hành vi phạm tội của mình như kết luận điều tra và Cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố.

Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo Nguyễn Đức T, Huỳnh Văn H, Phạm Đăng T1, Nguyễn Mai Ch về tội “*Đánh bạc*”.

Đề nghị áp dụng: khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 36, Điều 58 Bộ luật hình sự;

Đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Đức T 18 (Mười tám) đến 21 (Hai mươi mốt) tháng cải tạo không giam giữ, được trừ đi 06 (Sáu) ngày tạm giữ bằng 18 (Mười tám) ngày cải tạo không giam giữ. Giao bị cáo cho UBND phường L, TP. Kon Tum, tỉnh Kon Tum giám sát, giáo dục trong thời chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày UBND phường L, TP Kon Tum, tỉnh Kon Tum nhận được Quyết định thi hành án và bản sao bản án. Gia đình bị cáo Nguyễn Đức T có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo Nguyễn Đức T. Không khấu trừ thu nhập của bị cáo Nguyễn Đức T. Phạt bổ sung bị cáo Nguyễn Đức T từ 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng) đến 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng) để sung vào ngân sách Nhà nước.

Đề nghị xử phạt bị cáo Huỳnh Văn H 12 (Mười hai) đến 15 (Mười lăm) tháng cải tạo không giam giữ, được trừ đi 06 (Sáu) ngày tạm giữ bằng 18 (Mười tám) ngày cải tạo không giam giữ. Giao bị cáo cho UBND thị trấn M, huyện K, tỉnh Kon Tum giám sát, giáo dục trong thời chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày UBND thị trấn M, huyện K, tỉnh Kon Tum nhận được Quyết định thi hành án và bản sao bản án. Gia đình bị cáo Huỳnh Văn H có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo Huỳnh Văn H. Không khấu trừ thu nhập của bị cáo Huỳnh Văn H. Phạt bổ sung bị cáo Huỳnh Văn H từ 12.000.000 đồng (Mười hai triệu đồng) đến 17.000.000 đồng (Mười bảy triệu đồng) để sung vào ngân sách Nhà nước.

Đề nghị xử phạt bị cáo Phạm Đăng T1 từ 09 (chín) đến 12 (Mười hai) tháng cải tạo không giam giữ, được trừ đi 06 (Sáu) ngày tạm giữ bằng 18 (Mười tám) ngày cải tạo không giam giữ. Giao bị cáo cho Ban quản lý đầu tư xây dựng huyện K, tỉnh Kon Tum giám sát, giáo dục trong thời chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Ban quản lý đầu tư xây dựng huyện K, tỉnh Kon Tum nhận được Quyết định thi hành án và bản sao bản án. Gia đình bị cáo Phạm Đăng T1 có trách nhiệm phối hợp với cơ quan nơi công tác trong việc giám sát, giáo dục bị cáo Phạm Đăng T1. Không khấu trừ thu nhập của bị cáo Phạm Đăng T1. Phạt bổ sung bị cáo Phạm Đăng T1 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) đến đến 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng) để sung vào ngân sách Nhà nước.

Đề nghị áp dụng: khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 36, Điều 58 Bộ luật hình sự;

Đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Mai Ch từ 06 (Sáu) đến 09 (Chín) tháng cải tạo không giam giữ, được trừ đi 06 (Sáu) ngày tạm giữ bằng 18 (Mười tám) ngày cải tạo không giam giữ. Giao bị cáo cho Phòng dân tộc huyện K, tỉnh Kon Tum giám sát, giáo dục trong thời chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Phòng dân tộc huyện K, tỉnh Kon Tum nhận được Quyết định thi hành án và bản sao bản án. Gia đình bị cáo Nguyễn Mai Ch có trách nhiệm phối hợp với cơ quan nơi công tác trong việc giám sát, giáo dục bị cáo Nguyễn Mai Ch. Không khấu trừ thu nhập của bị cáo Nguyễn Mai Ch. Phạt bổ sung bị cáo Nguyễn Mai Ch 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) đến 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng) để sung vào ngân sách Nhà nước.

Về vật chứng của vụ án: Đề nghị HĐXX:

- Áp dụng điểm a, khoản 1, Điều 47 BLHS; điểm a, khoản 2, Điều 106 BLTTHS, đề nghị HĐXX tịch thu và tiêu hủy đối với: 02 bộ bài tây, 52 lá/bộ; 01 chiếc chăn vải nhung, kích thước 2 x 1,8 mét. Đây là các công cụ, phương tiện mà các bị cáo dùng vào việc đánh bạc và không còn giá trị sử dụng.

- Áp dụng điểm b, khoản 1, Điều 47 BLHS; điểm b, khoản 2, Điều 106 BLTTHS, đề nghị HĐXX tịch thu nộp vào ngân sách nhà nước đối với số tiền 24.250.000 (VNĐ) (*Hai mươi tư triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng*). Bao gồm 11.000.000 đồng thu giữ trên chiếu bạc; 9.500.000 đồng thu giữ của Huỳnh Văn H; 3.250.000 đồng thu giữ của Phạm Đăng T1; 500.000 đồng thu giữ của Nguyễn Mai Ch;

- Đối với các vật chứng, đồ vật Cơ quan điều tra đã quyết định xử lý trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp, gồm: 01 ví da màu đen tạm giữ của Huỳnh Văn H; 01 điện thoại di động màn hình cảm ứng, mặt sau điện thoại có chữ Sam Sung, màu xanh; 01 ví da màu đen tạm giữ của Nguyễn Mai Ch; 01 điện thoại di động màn hình cảm ứng, màu vàng, mặt sau có dòng chữ Sam Sung tạm giữ của Nguyễn Đức T; 01 điện thoại màn hình cảm ứng màu vàng, mặt sau có dòng chữ Iphone; 01 ví da màu đen tạm giữ của Phạm Đăng T1 nên không đề cập xử lý.

Về án phí: Đề nghị HĐXX căn cứ vào Khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 21, và khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án kèm theo danh mục án phí, lệ phí Tòa án. Buộc các bị cáo Nguyễn Đức T, Huỳnh Văn H, Phạm Đăng T1, Nguyễn Mai Ch phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Quá trình điều tra thể hiện bị cáo Huỳnh Văn H là người đề cho các bị cáo Nguyễn Đức T, Phạm Đăng T1, Nguyễn Mai Ch đánh bạc tại nhà mình và bị cáo cùng đánh bạc nhưng không nhằm mục đích vụ lợi nên chưa đủ yếu tố cấu thành tội: “*Gá bạc*” theo quy định tại Điều 322 BLHS.

Tại phiên tòa các bị cáo thừa nhận về hành vi phạm tội của mình, các bị cáo không có khiếu nại gì, không tự bào chữa cho hành vi phạm tội của mình và không có ý kiến tranh luận gì với quan điểm luận tội của đại diện Viện kiểm sát.

Các bị cáo nhận thức hành vi của các bị cáo là sai là vi phạm pháp luật, các bị cáo rất hối hận về hành vi đánh bạc của mình. Xin HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Căn cứ vào các chứng cứ và T liệu đã được thẩm tra tại phiên toà; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ, Phạm Đăng T1 diện chứng cứ, ý kiến của các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các T liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên, trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ Luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa các bị cáo không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều đảm bảo theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án: Tại phiên tòa lời khai của các bị cáo Nguyễn Đức T, Huỳnh Văn H, Phạm Đăng T1, Nguyễn Mai Ch đã khai nhận Phạm Đăng T1 bộ hành vi phạm tội của mình. Xét lời khai của các bị cáo tại phiên tòa hoàn Phạm Đăng T1 phù hợp với biên bản phạm tội quả tang, lời khai tại cơ quan điều tra cùng với vật chứng đã thu giữ, phù hợp với kết luận điều tra của cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện K, phù hợp với cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện K và các T liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở khẳng định:

Vào khoảng 21 giờ ngày 18/3/2021, sau khi ăn uống tại quán X trên đường N, thị trấn M, huyện K, tỉnh Kon Tum xong thì Nguyễn Đức T, Huỳnh Văn H, Phạm Đăng T1, Nguyễn Mai Ch về nhà của Huỳnh Văn H tại số nhà 103, N, thị trấn M, huyện K, tỉnh Kon Tum, trong nhà của H đã có sẵn 02 (hai) bộ bài tây 52 lá nên Nguyễn Đức T đã khởi sự đánh bạc với Huỳnh Văn H, Phạm Đăng T1, Nguyễn Mai Ch đánh bạc bằng hình thức đánh phỏm, thắng thua bằng tiền. Tổng số tiền mà các bị cáo dùng vào việc đánh bạc là 24.250.000đồng. (Trong đó: Nguyễn Đức T sử dụng số tiền vốn 8.500.000 đồng (Tám triệu năm trăm ngàn đồng) để đánh bạc với H, T1 và Ch; Huỳnh Văn H mang theo số tiền vốn 9.500.000 đồng (Chín triệu năm trăm ngàn đồng) để đánh bạc với Phạm Đăng T1, T và Ch; Phạm Đăng T1 mang theo số tiền vốn 3.250.000 đồng (Ba triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng) để đánh bạc với Phạm Đăng T1, H và Ch; Nguyễn Mai Ch mang theo số tiền vốn 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) để đánh bạc với Phạm Đăng T1, H và T).

Như vậy, đã đủ cơ sở kết luận hành vi của các bị cáo Nguyễn Đức T, Huỳnh Văn H, Phạm Đăng T1, Nguyễn Mai Ch đã phạm vào tội: “*Đánh bạc*” theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự năm 2015 đã được sửa đổi bổ sung năm 2017 như Viện kiểm sát nhân dân huyện K đã truy tố là có căn cứ, đúng người,

đúng tội, đúng pháp luật. Tại phiên tòa, Kiểm sát viên trình bày quan điểm luận tội đối với các bị cáo là có cơ sở, phù hợp với quy định của pháp luật, nên cần được chấp nhận.

[3] Xét tính chất, mức độ tội phạm: Tội phạm các bị cáo Nguyễn Đức T, Huỳnh Văn H, Phạm Đăng T1, Nguyễn Mai Ch thực hiện thuộc trường hợp ít nghiêm trọng do có khung hình phạt đến 03 năm tù. Các bị cáo phạm tội với lỗi cố ý. Hành vi phạm tội do các bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến an ninh trật tự công cộng và nếp sống văn minh của xã hội. Cờ bạc là tệ nạn xã hội, là những nguyên nhân làm phát sinh các tội phạm khác và gây ảnh hưởng đến trật tự công cộng ở địa phương, làm ảnh hưởng xấu đến đời sống xã hội và thậm chí còn gây đổ vỡ hạnh phúc gia đình vì tệ nạn cờ bạc mà pháp luật nghiêm cấm. Các bị cáo Nguyễn Đức T, Huỳnh Văn H, Phạm Đăng T1, Nguyễn Mai Ch là người có đầy đủ năng lực nhận thức và điều khiển hành vi, hoàn Phạm Đăng T1 nhận thức được tính nguy hiểm của hành vi mình thực hiện, hiểu biết pháp luật. Bị cáo Nguyễn Mai Ch và bị cáo Phạm Đăng T1 là đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam nhưng khi bị cáo Phạm Đăng T1 khởi xướng các bị cáo Ch và T không ngăn cản mà cùng tham gia đánh bạc. Hơn nữa, hiện nay tình hình tội phạm trên địa bàn huyện K đang có chiều hướng gia tăng, nhất là tình trạng đánh bạc và tổ chức đánh bạc làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến cộng đồng khu dân cư. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy cần phải xử phạt các bị cáo một mức án thật nghiêm khắc, tương xứng với tính chất, mức độ, hậu quả do hành vi của các bị cáo gây ra. Xét thấy, các bị cáo Nguyễn Đức T, Huỳnh Văn H, Phạm Đăng T1, Nguyễn Mai Ch đều có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, nơi làm việc ổn định. Do vậy, không cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà tạo cơ hội cho các bị cáo tự cải tạo, sửa chữa sai lầm của mình.

Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt, Tòa án căn cứ vào quy định của Bộ luật Hình sự, cân nhắc tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo, các tình tiết giảm nhẹ và tăng nặng trách nhiệm hình sự để quyết định hình phạt cho từng bị cáo.

- *Về nhân thân*: Nguyễn Đức T, Huỳnh Văn H, Phạm Đăng T1, Nguyễn Mai Ch có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự.

- *Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự*: không có.

- *Về tình tiết giảm nhẹ*: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo Nguyễn Đức T, Huỳnh Văn H, Phạm Đăng T1, Nguyễn Mai Ch đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Riêng đối với bị cáo Nguyễn Mai Ch còn có cha ruột là thương binh hạng A, loại 4 nên bị cáo được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự qui định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự để giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo khi quyết định hình phạt.

[4] *Về tính chất của đồng phạm, mức độ tham gia của từng đồng phạm*:

Đây là vụ án có đồng phạm nhưng mang tính chất giản đơn, do không có sự phân công vai trò cụ thể của từng bị cáo nên không xem là phạm tội có tổ chức.

Trong đó bị cáo Nguyễn Đức T là người khởi xướng, rủ rê các bị cáo Huỳnh Văn H, Phạm Đăng T1, Nguyễn Mai Ch tham gia đánh bạc, hình thức đánh phỏm, ăn thua bằng tiền và sử dụng 8.500.000 đồng để đánh bạc nên bị cáo Nguyễn Đức T giữ vai trò đầu trong vụ án và phải chịu trách nhiệm cao hơn các bị cáo Huỳnh Văn H, Phạm Đăng T1, Nguyễn Mai Ch.

Đối với bị cáo Huỳnh Văn H dùng số tiền 9.500.000 đồng để đánh bạc là đồng phạm với vai trò thực hành, khi được bị cáo Phạm Đăng T1 rủ đánh bạc tại nhà mình nhưng không can ngăn mà cùng tham gia đánh bạc nên phải chịu trách nhiệm thứ hai;

Đối với bị cáo Phạm Đăng T1 dùng số tiền 3.250.000 đồng để đánh bạc; Nguyễn Mai Ch dùng số tiền 3.000.000 đồng để đánh bạc cùng với Phạm Đăng T1 nên là đồng phạm với bị cáo Nguyễn Đức T về tội: “*Đánh bạc*” quy định tại khoản 1 Điều 321 BLHS, với vai trò người thực hành nên chịu trách nhiệm thấp hơn bị cáo Phạm Đăng T1 và bị cáo H.

Trong vụ án này còn thể hiện bị cáo Huỳnh Văn H là người đề cho các bị cáo Nguyễn Đức T, Phạm Đăng T1, Nguyễn Mai Ch đánh bạc tại nhà mình và bị cáo cùng đánh bạc nhưng không nhằm mục đích vụ lợi nên chưa đủ yếu tố cấu thành tội: “*Gá bạc*” theo quy định tại Điều 322 BLHS là phù hợp.

Từ những phân tích, nhận định nêu trên. Hội đồng xét xử xét thấy không cần cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà xử phạt các bị cáo Nguyễn Đức T, Huỳnh Văn H; Phạm Đăng T1, Nguyễn Mai Ch hình phạt cải tạo không giam giữ đối với các bị cáo. Phạt bổ sung hình phạt tiền đối với các bị cáo Nguyễn Đức T, Huỳnh Văn H, Phạm Đăng T1 và Nguyễn Mai Ch là đủ sức răn đe, giáo dục các bị cáo trở thành người tốt, sống có ích cho xã hội và phòng ngừa Ch. Không khấu trừ thu nhập đối với các bị cáo vì bị cáo Phạm Đăng T1 có thu nhập không ổn định; bị cáo H có vợ và 01 con đã chết, bản thân H còn phải nuôi 01 con nhỏ; bị cáo T là lao động chính trong gia đình, vợ không có việc làm ổn định và có 04 con nhỏ; bị cáo Ch bản thân đã ly hôn vợ, nuôi 02 con nhỏ và bố ruột là thương binh nên HĐXX không áp dụng khấu trừ thu nhập đối với các bị cáo.

[5] Về vật chứng vụ án:

- Đối với vật chứng 02 bộ bài tây, 52 lá/bộ; 01 chiếc chăn vải nhung, kích thước 2 x 1,8 mét. Đây là các công cụ, phương tiện mà các bị cáo dùng vào việc đánh bạc và không còn giá trị sử dụng. Nên áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017), khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự tịch thu tiêu hủy.

- Đối với số tiền 24.250.000 (VNĐ) đồng (*Hai mươi tư triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng*). Bao gồm 11.000.000 đồng thu giữ trên chiếu bạc; 9.500.000 đồng thu giữ của Huỳnh Văn H; 3.250.000 đồng thu giữ của Phạm

Đăng T1; 500.000 đồng thu giữ của Nguyễn Mai Ch. Đây là số tiền mà các bị cáo sử dụng để đánh bạc. Nên áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017) điểm a, b khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự tịch thu nộp ngân sách nhà nước.

- Đối với các vật chứng, đồ vật Cơ quan điều tra đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp, gồm: 01 ví da màu đen tạm giữ của Huỳnh Văn H; 01 điện thoại di động màn hình cảm ứng, mặt sau điện thoại có chữ Sam Sung, màu xanh; 01 ví da màu đen tạm giữ của Nguyễn Mai Ch; 01 điện thoại di động màn hình cảm ứng, màu vàng, mặt sau có dòng chữ Sam Sung tạm giữ của Nguyễn Đức T; 01 điện thoại màn hình cảm ứng màu vàng, mặt sau có dòng chữ Iphone; 01 ví da màu đen tạm giữ của Phạm Đăng T1 nên HĐXX không đề cập đến.

[6] Về án phí: Buộc các bị cáo Nguyễn Đức T, Huỳnh Văn H, Phạm Đăng T1, Nguyễn Mai Ch mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Quyền kháng cáo: Các bị cáo được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Đức T, Huỳnh Văn H, Phạm Đăng T1, Nguyễn Mai Ch phạm tội “*Đánh bạc*”.

- Áp dụng: khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 36, Điều 58 Bộ luật hình sự;

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Đức T 18 (Mười tám) tháng cải tạo không giam giữ, được trừ đi 06 (Sáu) ngày tạm giữ bằng 18 (Mười tám) ngày cải tạo không giam giữ. Giao bị cáo cho UBND phường L, TP. Kon Tum, tỉnh Kon Tum giám sát, giáo dục trong thời chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày UBND phường L, TP Kon Tum, tỉnh Kon Tum nhận được Quyết định thi hành án và bản sao bản án. Gia đình bị cáo Nguyễn Đức T có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo Nguyễn Đức T. Không khấu trừ thu nhập của bị cáo Nguyễn Đức T. Phạt bổ sung bị cáo Nguyễn Đức T 15.000.000 đồng (*Mười lăm triệu đồng*) để sung vào ngân sách Nhà nước.

- Xử phạt bị cáo Huỳnh Văn H 12 (Mười hai) tháng cải tạo không giam giữ, được trừ đi 06 (Sáu) ngày tạm giữ bằng 18 (Mười tám) ngày cải tạo không giam giữ. Giao bị cáo cho UBND thị trấn M, huyện K, tỉnh Kon Tum giám sát, giáo dục trong thời chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày UBND thị trấn M, huyện K, tỉnh Kon Tum nhận được Quyết định thi hành án và bản sao bản án. Gia đình bị cáo Huỳnh Văn H có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo Huỳnh Văn H. Không khấu trừ thu nhập của bị cáo Huỳnh Văn H.

Phạt bổ sung bị cáo Huỳnh Văn H 12.000.000 đồng (*Mười hai triệu đồng*) để sung vào ngân sách Nhà nước.

- Xử phạt bị cáo Phạm Đăng T1 từ 09 (Chín) tháng cải tạo không giam giữ, được trừ đi 06 (Sáu) ngày tạm giữ bằng 18 (Mười tám) ngày cải tạo không giam giữ. Giao bị cáo cho UBND thị trấn M, huyện K, tỉnh Kon Tum giám sát, giáo dục trong thời chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày UBND thị trấn M, huyện K, tỉnh Kon Tum nhận được Quyết định thi hành án và bản sao bản án. Gia đình bị cáo Phạm Đăng T1 có trách nhiệm phối hợp với UBND thị trấn M trong việc giám sát, giáo dục bị cáo Phạm Đăng T1. Không khấu trừ thu nhập của bị cáo Phạm Đăng T1. Phạt bổ sung bị cáo Phạm Đăng T1 10.000.000 đồng (*Mười triệu đồng*) để sung vào ngân sách Nhà nước.

- Áp dụng: khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 36, Điều 58 Bộ luật hình sự;

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Mai Ch từ 06 (Sáu) tháng cải tạo không giam giữ, được trừ đi 06 (Sáu) ngày tạm giữ bằng 18 (Mười tám) ngày cải tạo không giam giữ. Giao bị cáo cho UBND thị trấn M, huyện K, tỉnh Kon Tum giám sát, giáo dục trong thời chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày UBND thị trấn M, huyện K, tỉnh Kon Tum nhận được Quyết định thi hành án và bản sao bản án. Gia đình bị cáo Nguyễn Mai Ch có trách nhiệm phối hợp với UBND thị trấn M trong việc giám sát, giáo dục bị cáo Nguyễn Mai Ch. Không khấu trừ thu nhập của bị cáo Nguyễn Mai Ch. Phạt bổ sung bị cáo Nguyễn Mai Ch 10.000.000 đồng (*Mười triệu đồng*) để sung vào ngân sách Nhà nước.

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 46; điểm a, điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; khoản 2, Điều 106; Bộ luật tố tụng hình sự tuyên:

- Tịch thu tiêu hủy: 02 bộ bài tây, 52 lá/bộ; 01 chiếc chăn vải nhung, kích thước 2 x 1,8 mét.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 16/6/2021 của Công an huyện K với Chi cục thi hành án dân sự huyện K).

-Tịch thu, nộp ngân sách nhà nước số tiền 24.250.000 VNĐ (*Hai mươi bốn triệu, hai trăm năm mươi nghìn đồng*).

(Số tiền trên được tạm giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Kon Tum theo Ủy nhiệm chi ngày 23/6/2021 của Công an huyện K với Chi cục thi hành án dân sự huyện K và duyệt tại kho bạc nhà nước ngày 24/6/2021).

3. Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 21; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án kèm theo danh mục án phí, lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Nguyễn Đức T, Huỳnh Văn H, Phạm Đăng T1, Nguyễn Mai Ch mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000đồng (*Hai trăm nghìn đồng*).

Căn cứ Điều 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự, trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (05/7/2021) các bị cáo có quyền làm đơn kháng cáo bản án để xin xét xử vụ án theo trình tự phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án, quyết định được qui định theo điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6 điều 7 và điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kon Tum;
- VKSND tỉnh Kon Tum;
- VKSND huyện K;
- Công an huyện K;
- Các bị cáo;
- CCTHA DS huyện K;
- Sở tư pháp tỉnh Kon Tum;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Đăng Lễ